**MỤC LỤC**

[Chương I Tổng quan về kiến trúc công trình 1](#_Toc81833718)

[1.1. Đặc điểm kiến trúc công trình 1](#_Toc81833719)

[1.1.1. Hình dạng, kích thước mặt bằng công trình 1](#_Toc81833720)

**MỤC LỤC HÌNH**

[Hình 1.1. Mặt bằng tầng trệt 1](#_Toc81302458)

[Hình 1.2. Mặt bằng tầng 1 1](#_Toc81302459)

[Hình 1.3. Mặt bằng tầng 2 1](#_Toc81302460)

[Hình 1.4. Mặt bằng tầng mái 1](#_Toc81302461)

[Hình 1.5. Mặt đứng của công trình 1](#_Toc81302462)

[Hình 2.1. Các lớp cấu tạo sàn 1](#_Toc81302463)

[Hình 2.2. Sàn hành lang 1](#_Toc81302464)

[Hình 2.3. Sàn nhà vệ sinh 1](#_Toc81302465)

[Hình 3.1. Mặt bằng kiến trúc điển hình 1](#_Toc81302466)

[Hình 3.2. Mặt bằng ô sàn tầng 2 1](#_Toc81302467)

[Hình 3.3. Bản loại dầm 1](#_Toc81302468)

[Hình 3.4. Bản sàn 2 phương 1](#_Toc81302469)

[Hình 4.1. Mặt bằng cầu thang tầng 2 3](#_Toc81302470)

[Hình 4.2. Mặt cắt cấu tạo bản thang 3](#_Toc81302471)

[Hình 4.3. Sơ đồ tính toán 3](#_Toc81302472)

[Hình 4.4. Mặt bằng bố trí thép cầu thang 3](#_Toc81302473)

[Hình 4.5. Mặt cắt bố trí thép cầu thang 3](#_Toc81302474)

[Hình 4.6. Sơ đồ tính dầm chiếu nghỉ D1 3](#_Toc81302475)

[Hình 4.7. Bố trí cốt thép dầm chiếu nghỉ D1 3](#_Toc81302476)

[Hình 5.1. Gió X 3](#_Toc81302477)

[Hình 5.2. Gió –X 3](#_Toc81302478)

[Hình 5.3. Gió Y 3](#_Toc81302479)

[Hình 5.4. Gió –Y 3](#_Toc81302480)

[Hình 5.5. HT1 – Hoạt tải chất đầy 3](#_Toc81302481)

[Hình 5.6. HT2 – cách nhịp cách nhịp cách tầng phương X 3](#_Toc81302482)

[Hình 5.7. HT3 – Hoạt tải cách nhịp cách tầng phương Y 3](#_Toc81302483)

[Hình 5.8. HT4 – hoạt tải liền nhịp cách tầng phương X 3](#_Toc81302484)

[Hình 5.9. HT5 – hoạt tải liền nhịp cách tầng phương Y 3](#_Toc81302485)

[Hình 5.10. Sơ đồ khung 3](#_Toc81302486)

[Hình 5.11. Lực Dọc N (T) 3](#_Toc81302487)

[Hình 5.12. Lực cắt Q (T) 3](#_Toc81302488)

[Hình 5.13. Moment M (T.m) 3](#_Toc81302489)

[Hình 5.14. Sơ đồ khung 16](#_Toc81302490)

[Hình 5.15. Moment M 2-2 (kN.m 17](#_Toc81302491)

[Hình 5.16. Moment M 3-3 (kN.m) 18](#_Toc81302492)

[Hình 6.1. Trụ địa chất và các lớp đất của hố khoan 31](#_Toc81302493)

[Hình 6.2. Mặt bằng ký hiệu cột 33](#_Toc81302494)

[Hình 6.3. Mặt bằng bố trí cọc móng M1 38](#_Toc81302495)

[Hình 6.4. Sơ đồ tính thép đài móng M2 46](#_Toc81302496)

[Hình 6.5. Mặt bằng bố trí cọc móng M2 48](#_Toc81302497)

[Hình 6.6. Sơ đồ tính thép đài móng M2 56](#_Toc81302498)

**MỤC LỤC BẢNG**

[Bảng 2.1. Trọng lượng bản thân sàn phòng làm việc, hành lang 2](#_Toc81311874)

[Bảng 2.2. Trọng lượng bản thân sàn khu vệ sinh 2](#_Toc81311875)

[Bảng 2.3. Tải tường qui về phân bố đều trên sàn S1A 3](#_Toc81311876)

[Bảng 2.4. Tải tường qui về phân bố đều trên sàn S3 3](#_Toc81311877)

[Bảng 2.5. Hoạt tải theo bảng 3 TCVN 2737-1995 5](#_Toc81311878)

[Bảng 3.1. Bảng tính và bố trí thép sàn 1 phương 13](#_Toc81311879)

[Bảng 3.2. Bảng tính moment của sàn hai phương lầu 2 17](#_Toc81311880)

[Bảng 3.3. Bảng tính và bố trí thép sàn 18](#_Toc81311881)

[Bảng 4.1. Kết quả tính toán cốt thép bản thang vế 1 22](#_Toc81311882)

[Bảng 4.2. Kết quả tính toán cốt thép bản thang vế 3 22](#_Toc81311883)

[Bảng 4.3. Kết quả tính toán cốt thép dầm chiếu nghỉ D1 22](#_Toc81311884)

[Bảng 5.1. Bảng Tải tường qui về phân bố đều trên sàn nhà vệ sinh 22](#_Toc81311885)

[Bảng 5.2. Bảng tổ hợp tải trọng 22](#_Toc81311886)

[Bảng 5.3. Bảng tính thép cột khung trục C 24](#_Toc81311887)

[Bảng 5.4. Bảng tính thép dầm khung trục F 28](#_Toc81311888)

[Bảng 5.6. Bảng tính thép đai khung F 33](#_Toc81311889)

[Bảng 5.7. Bảng tính thép cột khung trục 2 41](#_Toc81311890)

[Bảng 5.8. Bảng tính thép dầm khung trục 2 44](#_Toc81311891)

[Bảng 5.9. Tính thép gối khung trục 2 46](#_Toc81311892)

[Bảng 6.1. Chỉ tiêu cơ lý các lớp đất 49](#_Toc81311893)

[Bảng 6.2. Tổ hợp tải trọng tính toán tại chân cột C3 52](#_Toc81311894)

[Bảng 6.3. Tổ hợp tải trọng tính toán tại chân cột C15 53](#_Toc81311895)

[Bảng 6.4. Tính toán cường độ sức kháng trung bình trên thân cọc 54](#_Toc81311896)

[Bảng 6.5. Với Zi là chiều sâu mũi cọc tính từ mặt đất tự nhiên (cao độ MĐTN: -1,5m) 55](#_Toc81311897)

[Bảng 6.6. Giá trị phản lực đầu cọc cột C15 58](#_Toc81311898)

[Bảng 6.7. Giá trị phản lực đầu cọc cột C15 các tổ hợp còn lại 58](#_Toc81311899)

[Bảng 6.8. Độ lún của móng cọc trong trường hợp này được xem độ lún của móng khối quy ước. 63](#_Toc81311900)

[Bảng 6.9. Tính lún cho móng 63](#_Toc81311901)

[Bảng 6.10. Giá trị phản lực đầu cọc C3 68](#_Toc81311902)

[Bảng 6.11. 69](#_Toc81311903)

[Bảng 6.12. Giá trị phản lực đầu cọc C3 các trường hợp còn lại 69](#_Toc81311904)

[Bảng 6.13. Vậy tải trọng tác dụng lên cọc đều thoả 69](#_Toc81311905)

[Bảng 6.14. Độ lún của móng cọc trong trường hợp này được xem độ lún của móng khối quy ước. 73](#_Toc81311906)

[Bảng 6.15. Tính lún cho móng 73](#_Toc81311907)

Tổng quan về kiến trúc công trình



Tổng quan về kiến trúc công trình

* + 1. Đặc điểm kiến trúc công trình
       1. Hình dạng, kích thước mặt bằng công trình

Tên công trình: Trụ Sở Làm Việc Xã Tân An -Huyện Ngọc Hiển-Tỉnh Cà Mau

Địa điểm xây dựng: Xã Tân An -Huyện Ngọc Hiển-Tỉnh Cà Mau.

* Công trình dân dụng cấp 3: Ssàn <5000m2.
* Diện tích xây dựng 435,7m²
* Tổng quan về kiến trúc công trình
* Tổng diện tích S= 814,3m² (tầng trệt: S=435,7 m², lầu 1: S=378,6 m²).
* Chiều cao nền tầng trệt 3,6m, chiều cao công trình 13,35m (sàn lầu 1: 3,6m, trần lầu 2: 3,6m, mái 3,3m).
* Toàn bộ tường bó nền và tường bao che bên ngoài sử dụng gạch đất sét nung d200, các tường còn lại sử dụng gạch không nung d100 vữa xây m75 .
* Toàn bộ cửa đi và cửa sổ sử dụng cửa kính khung nhôm.